

Mang Yang, ngày 06 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Mang Yang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, dụng cụ của Trung tâm Y tế huyện Mang Yang năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Mang Yang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Bông

Chức vụ: Phòng Tổ chức - hành chính.

Số điện thoại: 0977551415

Địa chỉ email ttyt.mangyang@gialai.gov.vn

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính - Trung tâm Y tế huyện Mang Yang - Đường Tuệ Tĩnh- Thị Trấn Kon Dong - huyện Mang Yang - tỉnh Gia Lai.

- Nhận qua email: ttyt.mangyang@gialai.gov.vn

- Nhận qua Fax: ...[ghi cụ thể số Fax tiếp nhận báo giá].

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 10 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 26 tháng 7 năm 2023 ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
-----	----------	---	---------------------	-------------	---------

		quan về kỹ thuật			
I	VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO				
1	Băng cuộn	7cm x 2m, Bì 5 cuộn	7.000	Cuộn	
2	Băng keo lụa	2,5cm x 5m	1.500	Cuộn	
3	Băng thun 3 móc	4inch, 3 móc, hộp 12 cuộn	360	Cuộn	
4	Bông hút y tế	100 gam, Thùng 100 gói	800	Gói	
5	Bông hút y tế	Bì 1 kg	100	Kg	
6	Gạc cầu sản khoa	Fi40 vô trùng, gói 01 miếng	2.000	Miếng	
7	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cản quang	3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cản quang, gói 3 miếng	210	Miếng	
8	Gạc phẫu thuật ổ bụng 20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cản quang	20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cản quang, gói 5 miếng	250	Miếng	
9	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12 lớp vô trùng	5cm x 6,5cm x 12 lớp vô trùng, gói 10 miếng	23.000	Miếng	
10	Bông gạc đắp vết thương 8 x 20cm vô trùng	8 x 20cm vô trùng, gói 01 miếng	7.000	Miếng	
11	Gạc phẫu thuật 8cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	8cm x 10cm x 8 lớp vô trùng, gói 10 miếng	5.000	Miếng	
12	Bơm kim tiêm tự khóa 0,5ml kèm kim 25G x 1	Thành phần chất liệu ống bơm là Polypropylene, không có các thành phần độc hại như nhựa cao su tự nhiên, phthalates, polycarbonate. Kim tiêm cỡ 25G dài 25mm làm từ thép không rỉ. Tiệt khuẩn bằng công nghệ Ethylene Oxide.	10.000	Cái	
13	Bơm kim tiêm tự khóa 0,1ml kèm kim 27G x 3/8"	Thành phần chất liệu ống bơm là Polypropylene, không có các thành phần độc hại như nhựa cao su tự nhiên, phthalates, polycarbonate. Kim tiêm cỡ 27G dài 10mm làm từ thép không rỉ. Tiệt khuẩn bằng công nghệ Ethylene Oxide. Hộp 100 cái	800	Cái	
14	Bơm tiêm nhựa 1 ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng	1.000	Cái	

		trong y tế, cỡ kim 25G; 26G; kim sắc nhọn, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Hộp 100 cái			
15	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 100 cái	40.000	Cái	
16	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 100 cái.	2.000	Cái	
17	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ,	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml. Kim 23G; 25G làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Hộp 50 cái	2.000	Cái	
18	Bơm tiêm nhựa 50ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml. Đầu kim sắc nhọn, cỡ kim 25G; 23G. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 25 cái.	100	Cái	
19	Bơm tiêm nhựa 50ml cho ăn	Bơm tiêm nhựa vô trùng sử dụng một lần 50ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP dùng trong y tế, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn, Pittong có khóa bẻ gãy. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Tiệt trùng bằng khí E.O. Hộp 25 cái.	100	Cái	
20	Chỉ Silk 2/0 dài	Chỉ không tan tự nhiên	2.000	Tép	

	75cm, kim tam giác 3/8C 24mm.	được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 24mm. Hộp 12 tép			
21	Chỉ tan chậm tự nhiên 2/0, kim tròn	Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Hộp 24 tép	1.200	Tép	
22	Chỉ Silk 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 16mm. Hộp 12 tép	600	Tép	
23	Chỉ polyamide 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide 6.6. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 26mm. Hộp 12 tép	120	Tép	
24	Chỉ polyamide 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide 6.6. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8C 18mm. Hộp 12 tép	120	Tép	
25	Chỉ Vicryl số 1	Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 tổng hợp số 1; dài 90cm. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 40mm. Hộp 12 tép	240	Tép	
26	Bột bó	Kích thước: 15cm x 4,6m. Thùng 36 cuộn.	144	Cuộn	
27	Kim luồn mạch máu số 20G	Số 20. Hộp 100 cái	1.000	Cái	
28	Kim luồn mạch máu số 24G	Số 24. Hộp 100 cái	6.000	Cái	
29	Kim luồn mạch máu số 26G	Số 26. Hộp 100 cái	1.000	Cái	
30	Kim luồn mạch máu 18 G	Số 18, hộp 100 cái	100	Cái	
31	Dao mổ số 20	Số 20 Hộp 100 cái	500	Cái	
32	Dây hút nhót có nắp các số	Dây hút nhót có nắp các số 6;8;10;12;14, hộp 100 cái	200	Cái	

	6;8;10;12;14				
33	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Dùng để dẫn khí oxy, dây dài 2m, chất liệu nhựa tốt dẻo, độ cong thích hợp. Size XS, S, M, L, XL thùng 100 cái	1.000	Dây	
34	Mask thở Oxy có túi	Các số, loại có túi. Bì 01 cái	100	Cái	
35	Dây truyền dịch	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt để quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Chính được chính xác 20 giọt/ml, dài đến 150cm, chất liệu nhựa y tế mềm dẻo, đàn hồi tốt, không bị gãy. Thùng 500 cái	7.000	Bộ	
36	Đè lưỡi gỗ	Kích thước: 150 x 20 x 2mm. Hộp 100 cái	10.000	Cái	
37	Film X-quang	Film X-quang siêu nhạy 30x40, Hộp 100 tấm	5	Hộp	
38	Film X-quang	Film X-quang siêu nhạy 24x30, Hộp 100 tấm	10	Hộp	
39	Film X-quang KTS (DI- HL)	Film X-quang KTS, 20cm x 25cm, Hộp 150 tấm	70	Hộp	
40	Film X-quang KTS(DI- HL)	Film X-quang KTS, 25cm x 30cm Hộp 150 tấm	20	Hộp	
41	Gel siêu âm	Can 5 lít	10	Can	
42	Gel điện tim	Tube/ 500g	10	Tube	
43	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 80mm x 20m, thùng 120 cuộn	150	Cuộn	
44	Giấy siêu âm	kích thước 110mm x 20m, hộp 05 cuộn	100	Cuộn	
45	Kẹp rốn sơ sinh	Nguyên liệu: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. Hộp 100 cái	1.000	Cái	
46	Ống thổi nồng độ cồn	Bằng nhựa	3.000	Cái	
47	Khẩu trang y tế 4 lớp	4 lớp, Hộp 50 cái	20.000	Cái	
48	Mũ phẫu thuật	Làm từ vải không dệt, đã tiệt trùng, gói 01 cái	3.000	Cái	
49	Kim khâu da	Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhẵn, sắc nhọn. Các kích cỡ, gói 10 cái	500	Cái	

50	Kim châm cứu	Các size 0.25 x 10 mm; 0.25 x 13 mm; 0.30 x 25 mm; 0.30 x 40 mm; 0.35 x 50 mm; 0.35 x 60 mm; 0.35 x 75 mm; 0.4 x 150 mm; 0.4 x 200 mm.	83.000	Cây	
51	Kim chọc dò tủy sống số 27	Số 27. Hộp/100 cái	200	Cái	
52	Kim chọc dò tủy sống số 25	Số 25, hộp 200 cái	20	Cái	
53	Kim gây tê dăm rối thần kinh	22G, Chiều dài kim 50mm - 100mm. Hộp 25 cái	25	Cái	
54	Kim nha khoa (Kim ngắn)	Kim nha khoa (Kim ngắn) , Quy cách: 27G. 0,4 x 21mm.	500	Cái	
55	Kim tiêm số 18	Số 18. 100 cái/ Hộp	3.000	Cái	
56	Túi nước tiểu có khóa, có dây đeo	Thể tích 2000ml. Bì 01 cái	300	Cái	
57	Ống đặt nội khí quản có bóng số 7; 7,5; 6; 5,5	Các số, có bóng chèn. Bì 01 cái	40	Cái	
58	Điện cực	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Bịch 50 cái	100	Cái	
59	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu cỡ 1,8 , 2,0	Đường kính: 1.8, 2.0 mm Chiều dài: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	10	Cái	
60	Chỉ thép số 0.7	Đường kính: 0,7 mm dài 10m Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	5	Cái	
61	Cốc đựng đờm	Sử dụng 1 lần, chất liệu nhựa PVC. Bì 01 cái	1.000	Cái	
62	Gạc vaselin đắp bông	Kích thước: 40cm x 70cm. Gói 10 miếng	300	Miếng	
63	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C. Bì 01 cái	200	Cái	
64	Bóng đèn gù	24V, 25W. Hộp 01 cái	30	Cái	
65	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7	Là găng đã tiệt trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	30.000	Đôi	

66	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 7,5	Là găng đã tiết trùng, có bột. Size M (số 7.5). Hộp 50 đôi	10.000	Đôi	
67	Găng tay chưa tiết trùng size S số 7	Chưa tiết trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	120.000	Đôi	
68	Găng tay chưa tiết trùng size M số 7,5	Chưa tiết trùng, có bột. Size M (số 7.5). Hộp 50 đôi	30.000	Đôi	
68	Găng tay sản khoa đã tiết trùng	Là găng đã tiết trùng, có bột. Size S (số 7). Hộp 50 đôi	1.200	Đôi	
70	Ống Sonde dạ dày	Các số 10;14;16. Có nắp, bì 01 sợi	300	Sợi	
71	Ống Sonde tiểu Nelaton các số	Ống Sonde tiểu Nelaton các cỡ	200	Sợi	
72	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	200	Sợi	
73	Mặt nạ xông khí dung trẻ em	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Dùng cho trẻ em, gói 01 cái	100	Cái	
74	Mặt nạ xông khí dung người lớn	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Dùng cho người lớn, gói 01 cái	100	Bộ	
75	Lam kính	Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Hộp 72 miếng	50	Hộp	
76	Lam kính đầu mờ	Hộp 72 miếng	10	Hộp	
77	Kim chích máu	Được sản xuất từ thép Carbon. Hộp 200 cái	20	Hộp	
78	Ống nghiệm chống đông EDTA nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. Hộp 100 ống	25.000	Ống	
79	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/ hộp	5.000	Ống	
80	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml. Bịch	2.000	Ống	

		500 ống			
81	Que lấy bệnh phẩm	Bì 100 cái	1.000	Cái	
82	Nẹp xương đùi dài các số 7; 8; 9	Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.-Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dài 60cm;63cm; 67cm	30	Cái	
83	Nẹp xương đùi ngắn các số 6; 7; 8; 9	Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot.-Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dài 35cm;40cm; 45cm; 50cm	40	Cái	
84	Lọ đựng mẫu nắp đỏ , có nhãn 55 ml	Bì 10 cái	500	Cái	
85	Bì đựng rác thải y tế 55*80 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	100	Kg	
86	Bì đựng rác thải y tế 60*90 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	100	Kg	
87	Bì đựng rác thải y tế 90*120 lít	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE- Màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu đen, Độ dày: 4 zem, Có in logo, Kích thước: tùy yêu cầu (xếp hông mỗi bên 10cm), Có dây rút.	100	Kg	
88	Hộp an toàn	Dung tích: 5 lít (tối đa 5.8 lít), Độ dày: 1.5mm; chiều cao: 290mm, Chất liệu giấy Carton 3 lớp, cán màng PE.	1.000	Cái	
89	Viên sát khuẩn Presept 2,5g	Hộp/ 100 viên	5.000	Viên	
90	Cồn 70 độ	Can 30 lít	90	Lít	
91	Dung dịch sát khuẩn nhanh	Chai 500ml	300	Chai	
92	Dung dịch rửa tay sát khuẩn Microshield 2 chai 500ml	Chai 500ml	50	Chai	

93	Thuốc rửa phim X-Quang	Bộ gồm 02 can (Hiện hình và hãm hình)	3	Bộ	
II	VẬT TƯ DÙNG TRONG NHA KHOA				
94	Chổi đánh bóng răng TPC	Gói 100 cái	1	Cái	
95	Composite đặc Denfil 4g A1	Hộp 1 ống 4g	2	Ống	
96	Composite đặc Denfil 4g A2	Hộp 1 ống 4g	3	Ống	
97	Composite đặc Denfil 4g A3	Hộp 1 ống 4g	5	Ống	
98	Composite đặc Denfil 4g A4	Hộp 1 ống 4g	5	Ống	
99	Cọ quét keo	Lốc 4 lọ x 100 cái	4	Lọ	
100	Etchring	Ống/2.5ml	2	Tube	
101	Keo trám bonding 3m6g	Hộp 1 lọ 5ml	1	Hộp	
102	Sò đánh bóng ACClean	Hộp 144 viên	1	Viên	
103	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa. Lọ/30ml	1	Lọ	
104	Oxyd Kẽm (nha khoa)	Oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm. Lọ/110g	1	Lọ	
105	GC Fuji 9 lớn	Là chất trám thẩm mỹ thay thế silicate, có khả năng giải phóng fluoride trên nền strontium, có sự giãn nở theo nhiệt tương tự như cấu trúc răng. Màu A3 và A3.5. Mỗi hộp gồm: 15g Bột, 8g dịch lỏng	1	Hộp	
106	Ống hút nước bọt nha khoa	Gói 100 cái	2	Gói	
107	Mũi khoan búp lửa	Ví 5 cái	10	Cái	
108	Mũi khoan trụ	Ví 5 cái	20	Cái	
109	Mũi khoan tròn	Ví 5 cái	20	Cái	
110	Mũi khoan endo Z	Ví 5 cái	5	Cái	
111	Cortisomol	Ống 5ml	1	Ống	
112	Composite lỏng	Ống 2,3g	1	Ống	
113	Col chính loại 25	Hộp 60 cái	1	Hộp	
114	Spongel	Hộp 50 viên	1	Hộp	

115	Chổi bôi keo	Lốc 4 lọ x 100 cái	1	Lọ	
116	Col phụ side A	Hộp 120 cái	2	Hộp	
117	Col phụ side B	Hộp 120 cái	2	Hộp	
118	Col phụ side C	Hộp 120 cái	2	Hộp	
119	Col phụ side D	Hộp 120 cái	2	Hộp	
120	Col chính loại 30	Hộp 60 cái	1	Hộp	
121	Col chính loại 35	Hộp 60 cái	1	Hộp	
122	Col chính loại 40	Hộp 60 cái	1	Hộp	
123	Cây lên Col ngang số 35	Hộp 06 cái	1	Hộp	
124	Cây lên Col ngang số 40	Hộp 06 cái	1	Hộp	
125	Trâm gai	Vi 12 cây	5	Vi	
126	Lentulo số 30	Vi 4 cây	4	Vi	
III.	SINH PHẨM, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM				
127	Test thử đường huyết	Hộp 50 test	1.000	Test	
128	Test HBsAg	Hộp 25 test	5.000	Test	
129	Test Ma túy (4 trong 1)	Hộp 25 test	8.000	Test	
130	Test nước tiểu 11 thông số (dùng cho máy Urilyzer 100)	Hộp 150 test	1.800	Test	
131	Urinalysis Control - Level 1 (Urnal Control 1) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1)	Hộp/12 x 12 ml	12	Lọ	
132	Urinalysis Control - Level 2 (Urnal Control 2) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2)	Hộp/12 x 12 ml	12	Lọ	
133	Test phát hiện HEV IgG/IgM	Hộp 25 test	500	Test	
134	Test phát hiện HCV	Hộp 50 test	500	Test	
135	Test phát hiện HAV IgM	Hộp 25 test	500	Test	
136	Test xét nghiệm kháng nguyên Dengue NS1	Hộp 25 test	5.000	Test	
137	Test HIV	Hộp 50 test	500	Test	

138	Test xét nghiệm kháng thể kháng H.pylori	Hộp 25 test	300	Test	
139	Anti A	Lọ 10ml	50	Lọ	
140	Anti AB	Lọ 10ml	50	Lọ	
141	Anti B	Lọ 10ml	50	Lọ	
142	Fuchin 0,3%	Chai 500ml	4	Chai	
143	Xanh methylen 0,3%	Chai 500ml	4	Chai	
IV.	HÓA CHẤT BIOSYSTEMS CHẠY TRÊN AU 480 - BECKMAN COULTER				
144	Protein (Total)	Phương pháp: Biuret; Dải đo: 0.8-150 g/L. Quy cách: 2x60ml+2x20mL	2	Hộp	
145	Creatinine	Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED; Dải đo: 0.04-20 mg/dL. Quy cách: 5x60ml+5x60mL	4	Hộp	
146	Glucose	Phương pháp: Glucose oxidase/peroxidase; Dải đo: 3.6 - 500 mg/dL (0.199 - 27.5 mmol/L). Quy cách: 10x60mL	8	Hộp	
147	Cholesterol	Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase; Dải đo: 4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L). Quy cách: 10x60mL	4	Hộp	
148	Bilirubin (Total)	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 µmol/L). Quy cách: 8x60ml+8x15mL	1	Hộp	
149	Urea-BUN UV	Phương pháp: Urease / Glutamate dehydroganase; Dải đo: 3.69 - 300 mg/dL. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	3	Hộp	
150	Uric Acid	Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 µmol/L. Quy cách: 10x60mL	3	Hộp	
151	Triglycerides	Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase; Dải đo: 0.067 - 6.78 mmol/L. Quy cách: 10x60mL	4	Hộp	

152	AST/GOT	Phương pháp: IFCC;Dải đo:7.15 - 500 U/L. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	3	Hộp	
153	ALT/GPT	Phương pháp: IFCC;Dải đo:8.5 - 500 U/L. Quy cách: 8x60ml+8x15mL	3	Hộp	
154	GGT(Men gan)	4x 120 ml	3	Hộp	
155	Cholesterol HDL Direct	Phương pháp: DIRECT; Dải đo:0.048 - 5.18 mmol/L. Quy cách: 2x60ml+2x20mL	4	Hộp	
156	Bilirubin (Direct)	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo:0.09 - 15 mg/dL. Quy cách: 4x60ml+4x15mL	1	Hộp	
157	Biochemistry control urine	1x5mL	2	Lọ	
158	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) I	5x5mL	3	Hộp	
159	BIOCHEMISTRY CALIBRATOR (HUMAN)	5x5mL	3	Hộp	
160	CONCENTRATED SYSTEM LIQUID	1000ml	10	Bình	
161	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HEMOGLOBIN A1C-DIRECT	2x60ml+2x12mL	2	Hộp	
162	HEMOGLOBIN A1C-DIRECT STANDARDS	4Levelx0.5mL	2	Hộp	
163	HEMOGLOBIN A1C CONTROL (NORMAL)	1x0.5mL	2	Hộp	
164	HEMOGLOBIN A1C CONTROL (ELEVATED)	1x0.5mL	2	Hộp	
V.	HÓA CHẤT CHẠY TRÊN MÁY HUYẾT HỌC CELLTACα				
165	Dung dịch Isotonac 3	Thùng/ 18 lít	80	Thùng	
166	Dung dịch Cleanac 3	Thùng/ 5 lít	20	Thùng	
167	Dung dịch Cleanac 3	Thùng/ 5 lít	4	Thùng	

168	Dung dịch Hemolynac 3	Chai 500ml	40	Chai	
169	MEK-3DN	Lọ 2ml	3	Lọ	
VI.	HÓA CHẤT CHẠY TRÊN MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC G				
170	Dung dịch Isotonac 3	Thùng 18L	20	Thùng	
171	Dung dịch Hemolynac 310	Chai 250ml	10	Chai	
172	Dung dịch Hemolynac 510	Chai 250ml	10	Chai	
173	Dung dịch Cleanac 710	Can 2 lít	10	Can	
174	Dung dịch Cleanac 810	3x15ml/bộ	1	Bộ	
175	Máu chuẩn 5DN	Lọ 3ml	1	Lọ	
VII	DỤNG CỤ Y TẾ				
176	Bộ tiểu phẫu 24 Chi tiết	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	3	Bộ	
177	Kéo thẳng tù 16cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	10	Cái	
178	Kéo thẳng nhọn 10cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	20	Cái	
179	Kìm kẹp kim 16cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	20	Cái	
180	Panh thẳng không máu 14cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	10	Cái	
181	Panh cong không máu 14cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	10	Cái	
182	Phẫu tích thẳng có máu 20cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	10	Cái	
183	Phẫu tích thẳng không máu 20cm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE Chất liệu thép không gỉ	10	Cái	
184	Huyết áp cơ	Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg * Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0) * Độ chính	20	Cái	

		xác: $\pm 3\text{mmHg}$ *Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh			
185	Huyết áp điện tử	Model: HEM-8712 Giới hạn đo: Huyết áp: từ 0 đến 299 mmHg; Nhịp tim: từ 40 đến 180 nhịp/phút. Độ chính xác: Huyết áp: $\pm 3\text{ mmHg}$; Nhịp tim: $\pm 5\%$. Cơ chế hoạt động: tự động bơm xả khí và đo giao động. Nguồn năng lượng: Sử dụng 4 pin AAA hoặc bộ cắm điện trực tiếp AC Adapter. Kích thước máy: 129 x 103 x 80 mm.	5	Cái	
186	Ống nghe	Cấu hình ống nghe: *mặt nghe gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt * Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau *dây chữ Y làm bằng nhựa PVC * Nguyên lý: Nghe nhịp tim, nhịp mạch qua màng nghe.	10	Cái	
187	Xe đẩy tiêm thuốc	3 tầng có hộc. Kích thước : 600x400x800mm Vật liệu: inox 201 Trụ phi 25x0.8 mm, liên kết với các tấm dày 0.8 mm Có 1 ngăn kéo cao 130mm Lan can phi 10 mm, 03 phía 04 bánh xe cao su phi 75mm, 02 có khóa	5	Cái	
188	Cân sức khỏe có thước đo	Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. Trọng lượng cơ thể: Max: 120kg, Min: 0.5kg. Đo chiều cao: Phạm vi đo 70-190cm, Min: 0,5 cm, sai số $\pm 0.5\text{cm}$. Kích thước mặt bàn cân (L x W): 280 x 380 Kích thước tổng thể (Z x W x H): 880 x 310 x 270mm. Trọng lượng: 12.3kg.	3	Cái	
189	Nhiệt kế, Ẩm kế	Nhiệt độ đo khoảng: $-30\text{ }^{\circ}\text{C}$ ~ $+60\text{ }^{\circ}\text{C}$ Độ chính xác nhiệt độ: $-30\text{ }^{\circ}\text{C}$ ~ $+60\text{ }^{\circ}\text{C}$, $\pm 0.6\text{ }^{\circ}\text{C}$	12	Cái	

		Đơn vị nhiệt độ: Hai thang (° C / ° F) Phạm vi đo độ ẩm: 0 ~ 99% RH Độ chính xác độ ẩm: ± 3% rh			
190	Cân đồng hồ có máng	20 Kg	25	Cái	
191	Cân đồng hồ	120Kg	3	Cái	
192	Bẫy thẳng nhổ răng các cỡ	Chất liệu: Titanium, bì 01 cái	10	Cái	
193	Tay khoan nhanh nha khoa loại 4 lỗ, chuck bấm	Thân bằng thép không rỉ ; Vòng bi sứ. Chuck bấm. Hộp 01 cái	2	Cái	
194	Gương nha khoa có cán	Chất liệu khung viền bằng thép không gỉ . Hộp 12 cái	12	Cái	
195	Cọc truyền dịch	Vật liệu chính: Inox. Kích thước (DxRxC) : 500 x 500 x 1200 (mm) (± 2%) 03 chân đế : Inox hộp 25x50x1mm. Chân đế lắp bánh xe fi 50mm, có phanh. Thân cọc : Inox ống đường kính 19x0,8-1mm lồng vào ống Inox đường kính 25,4x1mm. Chiều cao cọc truyền tăng chỉnh nhờ núm vặn. Móc treo chai dịch : 2 hoặc 4 móc treo.	5	Cái	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại *[ghi rõ dẫn chiếu] trong Bảng mô tả đính kèm theo, trong đó phải ghi rõ yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.*

Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện Mang Yang, địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh -Thị trấn Kon Dơng - huyện Mang Yang - tỉnh Gia Lai.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Nhà thầu phải cung cấp Hàng hóa kể từ khi có quyết định trúng thầu và cụ thể thời gian quy định như sau: Chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được dự trù của chủ đầu tư (bằng fax, mail hoặc điện thoại)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

(Báo giá làm theo mẫu kèm theo)

TRUNG TÂM Y TẾ MANG YANG

GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Sơn

Ghi chú:

(1) Trường hợp đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để đăng tải Yêu cầu báo giá.

Việc điền các thông tin trong Yêu cầu báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Yêu cầu báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư phải đính kèm theo file “Bảng mô tả”, trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin để nhà thầu làm cơ sở báo giá như mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia triển khai được tính năng gửi và nhận yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thì hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư (không gửi báo giá theo các cách thức nêu tại khoản 3 Mục I của Mẫu này); sau thời hạn tiếp nhận báo giá, hãng sản xuất, nhà cung cấp không thể gửi được báo giá lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nội dung tại khoản 3 Mục I của Mẫu này được chỉnh sửa như sau:

“3. Cách thức tiếp nhận báo giá: hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của mình để gửi báo giá. Các báo giá gửi theo đường bưu điện, Fax, email hoặc các cách thức khác sẽ không được xem xét”.

Kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để lấy thông tin báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải hoặc gửi yêu cầu báo giá. Ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá không được trùng với ngày nghỉ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.